

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày 02/10/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng

2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thị Vân, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 8 và 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLST-DS ngày 06/3/2019 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-DS ngày 05/7/2019, Quyết định hoãn phiên toà số 24/QĐST-DS ngày 22/7/2019, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 08/2019/QĐST-DS ngày 20/8/2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16 ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 01, phường N, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A:

- Ông Phạm T – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật (vắng mặt)

- Ông Nguyễn H – Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt)

- Ông Nguyễn T - Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

(văn bản uỷ quyền số 4194/2019/UQ-VPB ngày 03/6/2019)

2. Bị đơn: anh Thân T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên ®-n trình bày:

Anh Thân T vay của Ngân hàng A (gọi tắt là ngân hàng) tổng số tiền là 400.000.000đồng, cụ thể:

- Tại Hợp đồng tín dụng số 8500387 ngày 04/8/2016 và khế ước nhận nợ cùng ngày, thể hiện anh Thân T vay của Ngân hàng số tiền 360.000.000 đồng, thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay tiền để mua mới xe ô tô nhãn hiệu TMT (Cửu Long), loại JB7595S-60MB, có thùng, có điều hoà. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, cứ 03 tháng lại điều chỉnh mức lãi suất 01 lần, biên độ điều chỉnh là 4,5%. Thực hiện hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng đã thực hiện Ủy nhiệm chi từ tài khoản của anh T số tiền 360.000.000đồng cho Công ty CPTM dịch vụ Q để thanh toán tiền mua xe ô tô cho anh T cùng ngày 04/8/2016. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô tải TMT số khung 595TG 1A 00002, biển kiểm soát 98C-121.52 thuộc quyền sở hữu của anh Thân T.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 10451661 ngày 15/11/2016, duyệt giải ngân ngày 24/11/2016, anh Thân T lại vay của Ngân hàng số tiền 40.000.000đồng với hình thức cho vay tín chấp, thời hạn cho vay là 36 tháng, mục đích cho vay để tiêu dùng gia đình, lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể từ ngày 04/7/2017. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T thanh toán số nợ này nhưng anh T không thanh toán. Tính đến ngày 01/10/2019, anh T còn nợ Ngân hàng là:

- Với khoản vay 360.000.000đồng ngày 04/8/2016: Nợ gốc còn 295.839.340 đồng, lãi phải trả còn 123.991.885đồng.

- Với khoản vay 40.000.000đồng ngày 24/11/2016: Nợ gốc còn 33.061.504 đồng, nợ lãi còn 21.139.206đồng.

Tổng cộng cả hai khoản vay, anh T còn nợ Ngân hàng 474.031.935 đồng (trong đó có 328.900.844đồng tiền gốc, 145.131.091 đồng tiền lãi). Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 02/10/2019, đồng thời yêu cầu Toà án xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng nếu anh T không trả được nợ. Về số tiền phạt chậm trả lãi, Ngân hàng miễn cho anh T.

* Anh Thân T đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hoà giải, xét xử nhưng anh không đến Toà án đến làm việc, Toà án cũng không lấy được lời khai của anh T.

* Đại diện VKSND huyện Tân Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Ngân hàng khởi kiện anh T có nơi cư trú tại thôn H, xã S, huyện Tân Yên đòi khoản tiền đã cho vay là quan hệ giữa pháp nhân với cá nhân. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự..

1.2 Tại phiên toà, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền của nguyên đơn.

2.1. Về yêu cầu trả tiền: Mặc dù không thu thập được lời khai của anh T nhưng theo lời khai của đại diện cho ngân hàng, phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và uỷ nhiệm chi đều ngày 04/8/2016 có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/8/2016 anh T đã vay của ngân hàng số tiền 360.000.000đồng, thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay tiền để mua mới xe ô tô nhãn hiệu TMT (Cửu Long), loại JB7595S-60MB, có thùng, có điều hoà. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, cứ 03 tháng lại điều chỉnh mức lãi suất 01 lần, biên độ điều chỉnh là 4,5%. Thực hiện hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng đã thực hiện Uỷ nhiệm chi từ tài khoản của anh T số tiền 360.000.000đồng cho Công ty CPTM dịch vụ Q để thanh toán tiền mua xe ô tô cho anh T cùng ngày 04/8/2016.

Đối với số tiền 40.000.000đồng ghi trong “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 15/11/2016. Tuy hình thức văn bản này không phải là hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng vay tiền nhưng nội dung văn bản đã thể hiện anh T vay của ngân hàng số tiền 40.000.000đồng. Cụ thể: Tại phần “III. Đề nghị vay vốn”, anh T đã đề nghị ngân hàng cho vay số tiền 40.000.000đồng nhằm mục đích mua đồ gia dụng, thời hạn vay là 36 tháng. Tại phần “VIII. Phần xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank”, ngân hàng đã đồng ý cấp cho anh T khoản vay 40.000.000đồng vào ngày 24/11/2016, thời hạn cho vay là 36 tháng, mục đích cho vay để tiêu dùng gia đình, lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm. Kèm theo “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 15/11/2016, anh T còn ký nhận vào văn bản là “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ

ngân hàng điện tử” trong đó quy định về số tiền vay, thời hạn cho vay, mục đích cho vay, lãi suất, phương thức thanh toán, thu hồi nợ trước thời hạn.... Tại phần đầu của văn bản này còn ghi, nội dung của văn bản này cùng với “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” tạo thành hợp đồng tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ hoàn chỉnh giữa ngân hàng và khách hàng. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận ngày 24/11/2019, ngân hàng đã cho anh T vay số tiền 40.000.000đồng với các thoả thuận đã nêu trên.

Theo thoả thuận tại Điều 6 và các điều khác của Hợp đồng tín dụng ngày 04/8/2016 và “Bộ điều khoản....” anh T ký khi vay số tiền 40.000.000đồng thì anh T phải trả gốc và lãi theo phân kỳ hàng tháng cho ngân hàng, nếu vi phạm bất kỳ 1 phân kỳ trả nợ nào thì ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền. Đối chiếu với bảng kê tính lãi của ngân hàng cung cấp thì thấy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/7/2017 đối với khoản vay 360.000.000đồng. Đối với khoản vay 40.000.000đồng thì hàng tháng anh T phải trả nợ gốc cho ngân hàng vào ngày 24, bắt đầu từ ngày 24/12/2016, chia làm 36 lần trả. Tuy nhiên, kể từ tháng 8/2017, anh T không trả được phân kỳ nào nữa. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh T phải trả nợ trước thời hạn là đúng. Về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của kỳ trả nợ bằng 150% lãi suất trong hạn điều chỉnh theo định kỳ mà các hợp đồng tín dụng đã ghi cũng nằm trong phạm vi pháp luật quy định. Từ khi vay đến ngày 01/10/2019, anh T đã trả được và còn nợ ngân hàng là:

- Đối với khoản vay 360.000.000đồng: đã trả được 64.160.660 đồng tiền gốc và 41.813.480 đồng tiền lãi. Còn nợ 295.839.340 đồng tiền gốc và 123.991.885 đồng tiền lãi.

- Đối với khoản vay 40.000.000đồng: đã trả được 6.938.496 đồng tiền gốc và 5.363.423 đồng tiền lãi. Còn nợ 33.061.504 đồng tiền gốc và 21.139.206 đồng tiền lãi.

Tổng cộng hai khoản vay, anh T còn nợ ngân hàng là 474.031.935 đồng (trong đó có 328.900.844 đồng tiền gốc, 145.131.091 đồng tiền lãi tính đến ngày 01/10/2019). Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho ngân hàng số tiền trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 02/10/2019 cho ngân hàng cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu này của ngân hàng. Về tiền phạt chậm trả lãi, ngân hàng miễn cho anh T nên HĐXX không buộc anh T phải trả.

2.2. Về trách nhiệm trả tiền: Trước khi anh T vay tiền của ngân hàng thì anh đã ly hôn năm 2012 và chưa tái hôn nên cá nhân anh T phải trả nợ cho ngân hàng.

2.3. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đối với tất cả các khoản tiền anh T vay của ngân hàng từ ngày 04/8/2016 đến

04/8/2019, anh T đã thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay là 01 xe ô tô tải TMT số khung 595TG 1A 00002, biển kiểm soát 98C-121.52 thuộc quyền sở hữu của anh Thân T. Việc thế chấp được lập thành Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 04/8/2016 và chứng thực hợp đồng tại Văn phòng công chứng. Xét thấy, nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp đều đảm bảo quy định của pháp luật. Nên nếu anh T không trả được nợ cho ngân hàng thì tài sản đã thế chấp nêu trên được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng là có căn cứ. HĐXX chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí. Anh T thuộc diện hộ nghèo nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357 Bộ luật dân sự;

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với anh Thân T.

Buộc anh Thân T phải trả cho Ngân hàng A số tiền 474.031.935 đồng (bốn trăm bảy mươi tư triệu không trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi năm đồng). Trong đó có 328.900.844 đồng tiền gốc và 145.131.091 đồng tiền lãi (tính đến ngày 01/10/2019).

Anh Thân T phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8500387 ngày 04/8/2016 và “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” duyệt ngày ngày 24/11/2016 cùng “Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử”, kể từ ngày 02/10/2019 cho đến khi trả hết nợ.

2. Nếu anh Thân T không trả được nợ thì tài sản đã thế chấp là 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu TMT, số khung 595TG 1A 00002, số máy LQ3A30123105, biển

kiểm soát 98C-121.52 thuộc quyền sở hữu của anh Thân T được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng A.

3. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Thân T.
- Trả lại Ngân hàng A 10.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002378 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng